

Số: 3326 /QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy định dạy và học môn giáo dục thể chất

#### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31/01/2015 Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể dục thể thao trong trường học;

Căn cứ Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015 Quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 48/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 về Quy định hoạt động thể thao trong nhà trường;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học theo phương thức tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2021/QĐ-HVN ngày 29/4/2021;

Căn cứ Quyết định số 1189/QĐ-TTg ngày 15/10/2024 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Thủ tướng chính phủ;

Căn cứ Kế hoạch số 1864/KH-BGDĐT ngày 22/10/2025 về việc thực hiện Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong ngành Giáo dục;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học năm 2025;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Nghị quyết số 5813/NQ-HĐHV ngày 22 tháng 11 năm 2021 và được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐHV ngày 05 tháng 03 năm 2025 của Hội đồng Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý đào tạo và Giám đốc Trung tâm Giáo dục thể chất và thể thao,



## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Quy định về dạy và học môn Giáo dục thể chất áp dụng cho sinh viên tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

**Điều 2.** Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy định về dạy và học môn giáo dục thể chất ban hành kèm theo Quyết định số 251/QĐ-HVN ngày 08/02/2017 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng ban Quản lý đào tạo, Giám đốc Trung tâm Giáo dục thể chất và thể thao, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu VT, GDTC&TT (3).

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Công Tiệp**



## QUY ĐỊNH

### Về dạy và học môn giáo dục thể chất

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3326/QĐ-HVN ngày 10 tháng 7 năm 2026  
của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất (GDTC); tổ chức đào tạo; các điều kiện đảm bảo chất lượng; khen thưởng và xử lý kỷ luật.

Quy định này áp dụng cho giảng viên giảng dạy môn Giáo dục thể chất và sinh viên đại học học theo hệ thống tín chỉ.

## Chương II

### CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

#### Điều 2. Nội dung môn học Giáo dục thể chất

1. Mục tiêu chương trình: nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, tri thức chuyên môn, kỹ năng và thái độ hành vi về các nội dung GDTC. Cụ thể:

a. Về kiến thức: Có hiểu biết về ý nghĩa tác dụng của thể dục thể thao (TDTT) đối với con người; nhận thức về vị trí, vai trò của GDTC và các hoạt động TDTT trong hoạt động giáo dục đại học;

b. Về kỹ năng: Thực hành được những kỹ thuật cơ bản một số môn TDTT trong chương trình, biết một số phương pháp tự tập luyện, để rèn luyện thể chất, bảo vệ sức khỏe;

c. Về thái độ hành vi: Tích cực, tự giác học tập; xây dựng thói quen vận động, tập luyện TDTT; rèn luyện thể chất thường xuyên.

#### 2. Nội dung chương trình GDTC

a. Đối với các sinh viên từ khoá 68 trở về trước:

Nội dung chương trình GDTC bao gồm 10 môn học, cụ thể:

| TT                                                      | Mã học phần | Tên học phần                | Tổng số TC | LT  | TH  | HP học trước | Mã học phần học trước | Bắt buộc/ Tự chọn |
|---------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------|------------|-----|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| <b>TỔNG SỐ HỌC PHẦN BẮT BUỘC</b>                        |             |                             | 01         | 0.5 | 0.5 |              | 01                    |                   |
| 1                                                       | GT01016     | Giáo dục thể chất đại cương | 01         | 0.5 | 0.5 |              |                       | Bắt buộc          |
| <b>TỔNG SỐ HỌC PHẦN TỰ CHỌN</b><br>(chọn 02/9 học phần) |             |                             | 02         |     | 2.0 |              |                       | Tự chọn           |
| 1                                                       | GT01014     | Khiêu vũ Thể thao           | 01         |     | 1.0 |              |                       | Tự chọn           |
| 2                                                       | GT01015     | Bơi                         | 01         |     | 1.0 |              |                       | Tự chọn           |
| 3                                                       | GT01017     | Điền kinh                   | 01         |     | 1.0 |              |                       | Tự chọn           |
| 4                                                       | GT01018     | Thể dục Aerobic             | 01         |     | 1.0 |              |                       | Tự chọn           |
| 5                                                       | GT01019     | Bóng đá                     | 01         |     | 1.0 |              |                       | Tự chọn           |
| 6                                                       | GT01020     | Bóng chuyền                 | 01         |     | 1.0 |              |                       | Tự chọn           |
| 7                                                       | GT01021     | Bóng rổ                     | 01         |     | 1.0 |              |                       | Tự chọn           |
| 8                                                       | GT01022     | Cầu lông                    | 01         |     | 1.0 |              |                       | Tự chọn           |
| 9                                                       | GT01023     | Cờ vua                      | 01         |     | 1.0 |              |                       | Tự chọn           |

b. Đối với các sinh viên từ khoá 69 trở đi:

Nội dung chương trình GDTC bao gồm 12 môn học, cụ thể:

| TT        | Mã học phần                         | Tên học phần                | Tên tiếng Anh              | Tổng số tín chỉ | Lý thuyết  | Thực hành  | Bắt buộc | Tự chọn | Khối kiến thức |
|-----------|-------------------------------------|-----------------------------|----------------------------|-----------------|------------|------------|----------|---------|----------------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng số học phần bắt buộc</b>    |                             |                            | <b>01</b>       | <b>0.4</b> | <b>0.6</b> |          |         |                |
| 1         | GT01016                             | Giáo dục thể chất đại cương | General physical education | 01              | 0.4        | 0.6        | x        |         | Cơ bản         |
| <b>II</b> | <b>Tổng số phần tự chọn (03/11)</b> |                             |                            | <b>03</b>       |            |            |          |         |                |
| 1         | GT01014                             | Khiêu vũ thể thao           | Dance sport                | 1               | 0.2        | 0.8        |          | x       | Cơ bản         |

|    |         |                 |                    |   |     |     |  |   |        |
|----|---------|-----------------|--------------------|---|-----|-----|--|---|--------|
| 2  | GT01015 | Bơi             | Swimming           | 1 | 0.2 | 0.8 |  | x | Cơ bản |
| 3  | GT01017 | Điền kinh       | Athletics          | 1 | 0.2 | 0.8 |  | x | Cơ bản |
| 4  | GT01018 | Thể dục Aerobic | Aerobic gymnastics | 1 | 0.2 | 0.8 |  | x | Cơ bản |
| 5  | GT01019 | Bóng đá         | Football           | 1 | 0.2 | 0.8 |  | x | Cơ bản |
| 6  | GT01020 | Bóng chuyền     | Volleyball         | 1 | 0.2 | 0.8 |  | x | Cơ bản |
| 7  | GT01021 | Bóng rổ         | Basketball         | 1 | 0.2 | 0.8 |  | x | Cơ bản |
| 8  | GT01022 | Cầu lông        | Badminton          | 1 | 0.2 | 0.8 |  | x | Cơ bản |
| 9  | GT01023 | Cờ vua          | Chess              | 1 | 0.5 | 0.5 |  | x | Cơ bản |
| 10 | GT01024 | Golf            | Golf               | 1 | 0.2 | 0.8 |  | x | Cơ bản |
| 11 | GT01025 | Yoga            | Yoga               | 1 | 0.2 | 0.8 |  | x | Cơ bản |

3. Mỗi học phần phải có đề cương chi tiết thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và thực hành, phục vụ học phần. Để đạt được mục tiêu tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 2, nội dung chương trình môn học GDTC gồm:

a. Phần lý thuyết chung:

**Yêu cầu:**

Nắm được nội dung cơ bản của môn lý luận và phương pháp TDTT; Y sinh học TDTT; lý thuyết môn chuyên ngành trong các học phần của chương trình; Hiểu biết Luật và biết cách tổ chức, trọng tài thi đấu một số môn TDTT trong Học viện.

### **Mô tả các học phần:**

Lịch sử hình thành, phát triển của TDTT thế giới và Việt Nam; những khái niệm cơ bản về sức khỏe, thể chất và TDTT; vị trí, vai trò, ý nghĩa tác dụng của TDTT trong xã hội và trường học; các phương tiện, phương pháp, nguyên tắc tập luyện TDTT; kiến thức cơ bản về phòng ngừa chấn thương và sơ cứu; luật, trọng tài và tổ chức thi đấu các môn TDTT.

#### **b. Phân thực hành**

### **Học phần bắt buộc:**

Yêu cầu: Nắm được nội dung cơ bản học phần GDTC bắt buộc của chương trình; biết luật, trọng tài và tổ chức thi đấu chạy cự ly trung bình trong điền kinh; biết phương pháp tự tập luyện và rèn luyện thể chất, sức khỏe.

Mô tả các học phần: Kiến thức, kỹ năng thực hành nội dung chạy cự ly trung bình của môn điền kinh, phù hợp với đặc điểm và tính chất ngành nghề đào tạo; luật, trọng tài, phương pháp tổ chức thi đấu; phương pháp tự tập luyện và rèn luyện thể chất, sức khỏe.

### **Học phần tự chọn:**

*Đối với sinh viên từ khoá 68 trở về trước:*

Sinh viên được đăng kí 2 học phần tự chọn, có mã: GT01014, GT01015, GT01017, GT01018, GT01019, GT01020, GT01021, GT01022, GT01023.

Yêu cầu: Nắm được nội dung cơ bản học phần GDTC tự chọn của chương trình; biết Luật, trọng tài, phương pháp tổ chức thi đấu một số môn TDTT; biết phương pháp tự tập luyện kỹ thuật, chiến thuật nhằm nâng cao thành tích thể thao môn tự chọn.

Mô tả các học phần: Kiến thức, kỹ năng thực hành các môn điền kinh, thể dục Aerobic, bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, cờ vua, khiêu vũ thể thao, bơi phù hợp với sở thích và nguyện vọng cá nhân; luật, trọng tài, phương pháp tổ chức thi đấu; phương pháp tự tập luyện nâng cao thành tích thể thao môn tự chọn.

*Đối với sinh viên từ khoá 69 trở đi:*

Sinh viên được đăng kí 3 học phần tự chọn, có mã: GT01014, GT01015, GT01017, GT01018, GT01019, GT01020, GT01021, GT01022, GT01023, GT01024, GT01025.

Yêu cầu: Nắm được nội dung cơ bản học phần GDTC tự chọn của chương trình; biết Luật, trọng tài, phương pháp tổ chức thi đấu một số môn TDTT; biết phương pháp tự tập luyện kỹ thuật, chiến thuật nhằm nâng cao thành tích thể thao môn tự chọn.

Mô tả các học phần: Kiến thức, kỹ năng thực hành các môn điền kinh, thể dục Aerobic, bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, cờ vua, khiêu vũ thể thao, bơi, golf, yoga phù hợp với sở thích và nguyện vọng cá nhân; luật, trọng tài, phương pháp tổ chức thi đấu; phương pháp tự tập luyện nâng cao thành tích thể thao môn tự chọn.

### **Điều 3. Khối lượng tích lũy các môn học Giáo dục thể chất**

1. Đối với sinh viên từ khoá 68 trở về trước: Tích lũy đủ 03 tín chỉ GDTC, trong đó 01 tín chỉ bắt buộc và 02 tín chỉ tự chọn.

2. Đối với sinh viên từ khoá 69 trở đi: Tích lũy đủ 04 tín chỉ GDTC, trong đó 01 tín chỉ bắt buộc và 03 tín chỉ tự chọn.

3. Khối lượng tích lũy tín chỉ GDTC là điều kiện bắt buộc để xét tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo của Học viện.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

#### **Điều 4. Các trường hợp miễn học, miễn kiểm tra và thi**

1. Miễn học chương trình Giáo dục thể chất

a. Đối tượng

Sinh viên đã tốt nghiệp trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục đại học khác: nếu chương trình GDTC đủ 150 tiết theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được bảo lưu Giấy xác nhận hoàn thành chương trình GDTC và được xem xét miễn các học phần GDTC tương ứng khối lượng tại Điều 3 quy định này; nếu chương trình GDTC đủ 90 tiết theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo được bảo lưu Giấy xác nhận hoàn thành chương trình GDTC và miễn học 03 tín chỉ tương ứng 03 môn học GDTC.

b. Thủ tục xét miễn học

Sinh viên nộp đơn xin miễn học và bản photo công chứng Giấy xác nhận hoàn thành chương trình GDTC cho Trung tâm GDTC&TT, Ban Quản lý đào tạo để công nhận theo quy định của Học viện.

## 2. Miễn kiểm tra, miễn thi học phần Giáo dục thể chất

a. Đối với sinh viên là thành viên các đội tuyển TDTT của Học viện (có quyết định của Giám đốc Học viện tham gia tập luyện và thi đấu các giải thể thao):

Sinh viên thi đấu đạt giải 1, 2, 3 thì được miễn tham gia học tập và được công nhận quy đổi điểm tương đương là 10 (mười) với một học phần GDTC đã đăng kí trong học kì khi tham gia thi đấu (do sinh viên lựa chọn).

Sinh viên thi đấu chưa đạt giải thì được miễn tham gia học tập và được công nhận quy đổi điểm tương đương là 9 (chín) với một học phần GDTC đã đăng kí trong Học kì khi tham gia thi đấu (do sinh viên lựa chọn).

Thủ tục: Sinh viên nộp bản sao quyết định thi đấu (*có xác nhận của huấn luyện viên*) cho giảng viên lên lớp học phần ngay khi có quyết định và nộp 01 bản về Bộ môn GDTC để lưu trữ, giám sát vào đầu mỗi học kì đã đăng kí học tập và báo cáo theo quy định.

b. Đối với sinh viên là thành viên các câu lạc bộ TDTT do Hội Thể thao Học viện hoặc Trung tâm GDTC&TT xác nhận, giám sát hoạt động:

Sinh viên tham gia sinh hoạt thường xuyên ít nhất 03 buổi/tuần và liên tục trong 1 học kỳ sẽ được miễn tham gia học tập, kiểm tra và thi một tín chỉ. Điểm học phần sẽ được quy đổi tương đương 6 (sáu) điểm với một Học phần GDTC đã đăng kí học tập trong học kì đó. Sinh viên có quyền đăng ký kiểm tra và thi nếu muốn lấy điểm cao hơn. Nếu kết quả điểm đánh giá học phần dưới 6 (sáu) điểm thì vẫn được bảo lưu điểm 6 (sáu) cho học phần đó.

Thủ tục: Sinh viên nộp 01 bản sao danh sách thành viên CLB (*có xác nhận của chủ nhiệm CLB*) và xác nhận của Bộ môn cho giảng viên lên lớp học phần và nộp 01 bản về Bộ môn GDTC để lưu trữ, giám sát vào tuần đầu tiên của mỗi học kì đã đăng kí học tập.

c. Các sinh viên vẫn phải đăng kí trực tuyến Học phần và nộp học phí đầy đủ theo quy định của Học viện.

3. Các trường hợp khác không nằm trong quy định này do Giám đốc Học viện xem xét quyết định.

### **Điều 5. Nội dung học giáo dục thể chất dành cho nhóm sinh viên sức khỏe yếu**

#### **1. Nguyên tắc chung**

Những sinh viên thuộc nhóm sức khỏe yếu vẫn phải học đủ khối lượng học tập GDTC quy định tại Điều 3 nhưng sẽ học các nội dung của môn học phù hợp với sức khỏe và thể chất của sinh viên.

Nội dung học tập và kiểm tra đánh giá từng học phần sẽ do Bộ môn GDTC quy định để phù hợp với thể trạng và khả năng vận động của từng sinh viên.

#### **2. Đối tượng được xếp loại là sinh viên sức khỏe yếu**

a. Sinh viên bị khuyết tật, dị tật bẩm sinh,... không có khả năng vận động với khối lượng và cường độ vận động lớn;

b. Sinh viên bị tai nạn, chấn thương và ốm đau bất thường;

c. Sinh viên bị các bệnh về tim mạch, hô hấp.

#### **3. Thủ tục xét đối tượng sinh viên sức khỏe yếu**

Sinh viên nộp đơn và các minh chứng kèm theo (Giấy xác nhận về khuyết tật, dị tật bẩm sinh vào đầu kì học, Hồ sơ bệnh án của Bệnh viện... ) cho Bộ môn GDTC để tập hợp, chuyển lên Trung tâm GDTC&TT chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý đào tạo xem xét, trình Giám đốc Học viện quyết định.

### **Điều 6. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục thể chất**

#### **1. Nguyên tắc chung**

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập các học phần Giáo dục thể chất được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành của Học viện; bảo đảm khách quan, công bằng, chính xác, phản ánh đúng năng lực của người học.

#### **2. Thành phần điểm học phần**

a) Điểm học phần được cấu thành từ các thành phần sau:

Điểm chuyên cần và ý thức tham gia học tập;

Điểm kiểm tra giữa kỳ;

Điểm kiểm tra kết thúc học phần.

b) Tỷ trọng các thành phần điểm do Trung tâm GDTC&TT quy định trong đề cương chi tiết học phần, bảo đảm phù hợp với đặc thù môn học và quy định chung của Học viện.

### 3. Điều kiện dự kiểm tra kết thúc học phần

Sinh viên được dự kiểm tra kết thúc học phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Tham gia tối thiểu 80% số giờ học theo quy định của học phần;

b) Hoàn thành các nội dung kiểm tra thường xuyên, kiểm tra giữa kỳ (nếu có);

c) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ học phí theo quy định của Học viện.

### 4. Đánh giá và xếp loại học phần

a) Kết quả học phần được chấm theo thang điểm và quy đổi theo Quy chế đào tạo hiện hành;

b) Học phần được xác định là đạt khi không bị điểm F theo quy định.

### 5. Thi lại, học lại, cải thiện điểm

a) Sinh viên có học phần không đạt phải đăng ký học lại theo kế hoạch đào tạo;

b) Sinh viên được đăng ký học lại để cải thiện điểm theo quy định của Quy chế đào tạo;

c) Điểm học phần được quản lý và sử dụng theo nguyên tắc của hệ thống tín chỉ hiện hành của Học viện.

## **Điều 7. Điều kiện xét công nhận hoàn thành và cấp Giấy xác nhận hoàn thành chương trình môn học Giáo dục thể chất**

1. Sinh viên được xác nhận hoàn thành chương trình môn học GDTC và được cấp Giấy xác nhận hoàn thành chương trình môn học Giáo dục thể chất khi đạt đủ các điều kiện sau:

- a. Đã hoàn thành chương trình GDTC theo quy định tại Điều 3;
- b. Điểm trung bình chung tích lũy của các học phần đạt từ 5.0 trở lên. Trong đó, điểm trung bình chung tích lũy của các học phần được tính theo công thức sau:

$$\text{Điểm TBC} = \frac{\text{Tổng điểm TB các học phần đạt từ 4.0 trở lên}}{\text{Số học phần đạt từ 4.0 trở lên}}$$

- c. Nộp đầy đủ học phí theo quy định của Học viện.

Sinh viên chưa đủ điều kiện được cấp giấy xác nhận hoàn thành chương trình GDTC phải đăng ký học lại học phần quy định tại Điều 2 để cải thiện điểm nhằm hoàn thành chương trình môn học theo quy định.

## 2. Quy trình cấp Giấy xác nhận hoàn thành chương trình GDTC

Ban Quản lý đào tạo tổng hợp, lập danh sách sinh viên đủ điều kiện cấp giấy xác nhận hoàn thành chương trình GDTC để trình Hội đồng xét duyệt. Thành phần Hội đồng bao gồm:

- Phó Giám đốc Học viện phụ trách đào tạo;
- Trưởng/Phó Ban Quản lý đào tạo;
- Giám đốc/ Phó Giám đốc Trung tâm GDTC&TT;
- Trưởng/Phó Bộ môn GDTC;
- Chuyên viên Ban Quản lý đào tạo phụ trách quản lý điểm GDTC.

Phó Giám đốc Học viện phụ trách đào tạo ký giấy xác nhận hoàn thành chương trình GDTC sau khi danh sách được Hội đồng thông qua.

## Chương IV

### QUY ĐỊNH VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

#### Điều 8. Giảng viên

- Tiêu chuẩn giảng viên giáo dục thể chất



Ngoài các tiêu chuẩn chung của giảng viên được quy định theo quy định của pháp luật hiện hành và Luật Giáo dục Đại học sửa đổi 2018, Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT, giảng viên GDTC phải có thêm những tiêu chuẩn sau:

a. Giảng viên GDTC tối thiểu phải có bằng cử nhân TDTT ngành GDTC hoặc ngành Huấn luyện thể thao, có giấy xác nhận nghiệp vụ sư phạm.

b. Giảng viên GDTC giảng dạy học phần Giáo dục thể chất đại cương phải có bằng thạc sĩ chuyên ngành GDTC hoặc chuyên ngành Huấn luyện thể thao trở lên.

## 2. Nhiệm vụ của giảng viên

Ngoài các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế đào tạo trình độ đại học theo phương thức tín chỉ của Học viện, giảng viên giảng dạy GDTC còn có nhiệm vụ sau:

a. Thực hiện chế độ làm việc của giảng viên theo quy định hiện hành của Học viện;

b. Giảng dạy theo chương trình môn học GDTC đã được Giám đốc Học viện phê duyệt. Giảng viên phải soạn giáo án và được bộ môn phê duyệt, chuẩn bị bài giảng, ôn luyện kỹ thuật thực hành; dạy các học phần kỹ thuật thực hành phải chuẩn bị sân bãi, dụng cụ; sử dụng trang phục TDTT phù hợp với yêu cầu của từng học phần.

c. Đánh giá kết quả học tập môn học GDTC theo quy định đánh giá học phần của Học viện tại Quy định này;

d. Tổ chức hướng dẫn sinh viên tập luyện ngoại khóa; kiểm tra tiêu chuẩn thể lực sinh viên theo Quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên.

đ. Huấn luyện đội tuyển các môn TDTT và tham gia tổ chức các cuộc thi đấu thể thao trong và ngoài Học viện;

e. Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Bộ môn, Trung tâm và Học viện.

## 3. Quyền của giảng viên

Ngoài các quyền theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế đào tạo trình độ đại học theo phương thức tín chỉ của Học viện, giảng viên giảng dạy GDTC còn có các quyền sau:

- a. Được giảng dạy theo ngành, chuyên ngành được đào tạo;
- b. Được hưởng các chế độ đãi ngộ theo Quy định hiện hành cho cán bộ, giảng viên nói chung và giảng viên Giáo dục thể chất nói riêng;
- c. Được tham gia các khóa học nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học phù hợp với điều kiện thực tế tại Học viện;
- d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật, của Học viện.

### **Điều 9. Sinh viên**

Ngoài các nhiệm vụ và quyền theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế đào tạo trình độ đại học theo phương thức tín chỉ của Học viện, sinh viên học GDTC còn có nhiệm vụ và quyền sau:

1. Nhiệm vụ của sinh viên
  - a. Hoàn thành nhiệm vụ học tập chương trình môn học GDTC trong thời gian quy định;
  - b. Khi lên lớp học phải mặc đồng phục TDTT đúng Quy định của Học viện, đi giày thể thao phù hợp, an toàn;
  - c. Tham gia tập luyện ngoại khóa và rèn luyện thể chất, sức khỏe; các hoạt động TDTT của Học viện, ngành và địa phương;
  - d. Thực hiện các nhiệm vụ khác của sinh viên theo quy định của Học viện.
2. Quyền của sinh viên
  - a. Được sử dụng tài liệu chuyên môn, cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ TDTT của Học viện để học tập và rèn luyện thể chất, sức khỏe;
  - b. Được cung cấp thông tin về kết quả học tập môn học GDTC;
  - c. Được chọn tham gia tập luyện, thi đấu tại các giải hoặc các kỳ Đại hội TDTT sinh viên cấp cơ sở, toàn quốc và quốc tế nếu có thành tích học tập môn GDTC xuất sắc;

d. Được tham gia hoạt động các câu lạc bộ TDTT của các đoàn thể, tổ chức xã hội nơi mình học tập;

đ. Được quyền miễn học phần, miễn thời gian tham gia học tập theo Điều 4 của quy định này;

e. Các quyền khác của sinh viên theo quy định của Học viện.

#### **Điều 10. Cơ sở vật chất và học liệu**

Trung tâm GDTC&TT có trách nhiệm đảm bảo cơ sở vật chất và học liệu đầy đủ cho môn học giáo dục thể chất theo quy định phục vụ cho việc dạy và học.

### **Chương IV**

#### **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ KỶ LUẬT**

##### **Điều 11. Khen thưởng**

1. Sinh viên đạt thành tích cao trong học tập và thi đấu ở các giải quốc tế, quốc gia, thành phố được xét khen thưởng và được hưởng chế độ ưu tiên theo các quy định hiện hành;

2. Tập thể, cá nhân có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho các hoạt động TDTT và GDTC được khen thưởng theo quy định về thi đua khen thưởng của Học viện; định mức khen thưởng theo Quy chế chi tiêu nội của Học viện.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo xét và đề nghị Cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tặng kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp thể dục thể thao” cho cá nhân có nhiều công lao cống hiến cho sự nghiệp TDTT.

##### **Điều 12. Xử lý vi phạm**

Tập thể, cá nhân vi phạm quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà phải chịu xử lý kỷ luật, nếu gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Trường hợp vi phạm pháp luật sẽ bị đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự

### **Chương V**

#### **ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

**Điều 13. Tổ chức phối hợp trong quản lý và giảng dạy môn Giáo dục thể chất**

1. Ban Quản lý đào tạo

a) Chủ trì xây dựng kế hoạch đào tạo môn GDTC;

b) Tổ chức đăng ký học phần, quản lý dữ liệu học tập và kết quả học tập của sinh viên;

c) Chủ trì xét công nhận hoàn thành chương trình GDTC.

2. Trung tâm Giáo dục thể chất và Thể thao

a) Tổ chức xây dựng chương trình, đề cương học phần;

b) Phân công giảng viên, tổ chức giảng dạy và kiểm tra, đánh giá;

c) Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy;

d) Phối hợp với Ban Quản lý đào tạo trong việc xét miễn học, học lại, công nhận kết quả.

3. Các khoa, đơn vị quản lý sinh viên

a) Phối hợp theo dõi việc tham gia học tập GDTC của sinh viên;

b) Phối hợp quản lý sinh viên thuộc diện đặc thù (sức khỏe yếu, miễn học, hoãn học);

c) Thông tin, tuyên truyền và hỗ trợ sinh viên thực hiện quy định.

4. Nguyên tắc phối hợp

Việc phối hợp giữa các đơn vị phải bảo đảm thống nhất, kịp thời, đúng chức năng, nhiệm vụ; mọi nội dung liên quan đến kết quả học tập của sinh viên phải được quản lý tập trung tại Ban Quản lý đào tạo.

**Điều 14. Điều khoản thi hành**

Trưởng các đơn vị có trách nhiệm phổ biến Quy định này đến toàn thể cán bộ viên chức và người học để thống nhất thực hiện trong toàn Học viện.

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký, mọi quy định của Học viện trước đây trái với văn bản quy định này đều bị bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện nếu cấp trên có thẩm quyền ban hành các quy định mới có liên quan thì áp dụng theo quy định mới; hoặc có điểm nào chưa phù hợp với thực tiễn, cần phải sửa đổi, bổ sung, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Trung

tâm Giáo dục thể chất và Thể thao để tổng hợp, báo cáo Giám đốc Học viện, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy định này./.



Nguyễn Công Tiệp